**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ**

**NGUYỄN THỊ BẢO NGÂN**

**NGHIÊN CỨU ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG DẠY HỌC KỸ NĂNG NGHE NÓI CHO SINH VIÊN CHUYÊN NGÀNH**

**TIẾNG TRUNG QUỐC Ở VIỆT NAM**

Chuyên ngành:Lý luận và Phương pháp dạy tiếng Trung Quốc

Mã số : 9140234.01

**TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ**

**Hà Nội - 2019**

**CÔNG TRÌNH ĐƯỢC HOÀN THÀNH TẠI**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ, ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI**

Người hướng dẫn：**PGS.TS Cầm Tú Tài**

Phản biện 1:  Nguyễn Ngọc Lân - Trường Đại học Hà Nội

Phản biện 2: Vũ Thị Hà - Trường Đại học Hạ Long

Phản biện 3: Lê Quang Sáng - Trường Đại học Ngoại thương Hà Nội

Luận văn được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án Tiến sĩ họp tại:

Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại Học Quốc Gia Hà Nội

Vào hồi 14 giờ 00,  ngày 21 tháng 02 năm 2020

**Có thể tìm hiểu luận án tại:**

**– Thư viện Quốc gia**

**– Trung tâm Thông tin – Thư viện, Đại học Quốc gia Hà Nội**

# **TÓM TẮT**

Từ những năm 1990, công nghệ thông tin đã phát triển và nhanh chóng xuất hiện ở nhiều lĩnh vực khác nhau, trong đó bao gồm cả ngành giáo dục. Dạy học dưới sự hỗ trợ của công nghệ thông tin không chỉ kế thừa những ưu điểm và đặc điểm của dạy học đa phương tiện hiện đại, mà còn duy trì những lợi thế của phương pháp dạy học truyền thống. Hiện nay, giảng dạy đa phương tiện đã trở thành công cụ hỗ trợ đắc lực cho giáo viên, vì vậy đã và đang được áp dụng rộng rãi trong lĩnh vực giáo dục. Vậy làm thế nào để giáo viên có thể vận dụng CNTT xây dựng một mô hình giảng dạy tiếng Trung phù hợp và hữu hiệu nhất, đặc biệt là đối với kỹ năng nghe và nói tiếng Trung, để người học có thể trau dồi khả năng giao tiếp lưu loát bằng tiếng Trung chính là vấn đề rất nhiều giáo viên và người học quan tâm.

Trong lĩnh vực nghiên cứu ứng dụng đa phương tiện vào trong giảng dạy,ở các quốc gia khác đã có những nghiên cứu và ứng dụng khá sớm. Ngay từ đầu thế kỷ 20, một số nước ở châu Âu và châu Mỹ đã đi đầu trong việc áp dụng các kết quả nghiên cứu khoa học của công nghệ điện tử vào lĩnh vực giáo dục, khiến cho sự phát triển của phương pháp giáo dục hiện đại nhảy vọt. Tuy nhiên, vấn đề này ở Việt Nam vẫn chưa được quan tâm nhiều. Những nghiên cứu ở Việt Nam hiện nay chủ yếu liên quan đến những vấn đề về tầm quan trọng của đa phương tiện trong lớp học, và đưa ra một số gợi ý có liên quan, vẫn chưa đi sâu vào hiện trạng sử dụng CNTT trong các trường học và những hạn chế khi sử dụng chúng. Nhiều nhà nghiên cứu chỉ chú ý đến những lợi thế của công nghệ thông tin và bỏ qua việc dạy học truyền thống. Chúng ta đều biết rằng thực tế cả hai đều có ưu điểm và nhược điểm riêng. Sự vượt trội của giảng dạy công nghệ thông tin không thể thay thế hoàn toàn việc dạy học truyền thống. Nếu chúng ta có thể kết hợp những lợi thế của công nghệ thông tin và phương pháp truyền thống, chúng ta sẽ đạt được kết quả giảng dạy tốt hơn. Mặc dù chúng ta đều biết rằng CNTT mang lại cho chúng ta nhiều lợi thế trong giảng dạy , tuy nhiên hiện rất ít giáo viên sử dụng tốt CNTT hiện đại để hỗ trợ đào tạo kỹ năng nghe và nói. Vì vậy, làm thế nào để bạn sử dụng tốt nó? Sau bài nghiên cứu này, chúng ta sẽ tìm thấy câu trả lời.

Thông qua kết quả nghiên cứu của những người đi trước, việc dạy kỹ năng nghe và nói ngoại ngữ không ngừng được cải thiện, đặc biệt là ứng dụng đa phương tiện trong giảng dạy ngày càng được quan tâm hơn. Tuy nhiên, nghiên cứu về phát triển ứng dụng CNTT rèn luyện kỹ năng nghe và nói là tương đối hiếm. Nghiên cứu về phát triển ứng dụng CNTT rèn luyện kỹ năng nghe và nói tiếng Trung Quốc lại càng hiếm hơn. Vì vậy, kết hợp với nhu cầu giảng dạy hàng ngày và sau một thời gian dài suy nghĩ và điều tra, chúng tôi đã quyết định lựa chọn đề tài “Nghiên cứu ứng dụng CNTT trong dạy học kỹ năng nghe nói cho sinh viên chuyên ngành tiếng Trung Quốc ở Việt Nam” để nghiên cứu.

 Chúng tôi sẽ tiến hành điều tra, khảo sát một số trường học tại Việt Nam dưới dạng bảng câu hỏi, phỏng vấn và quan sát lớp học thực tế. Dựa trên phân tích dữ liệu khảo sát, chúng tôi sẽ đưa ra vài kiến nghị để nâng cao hiệu quả dạy và học kỹ năng nghe và nói tiếng Trung Quốc dưới sự trợ giúp của CNTT, bao gồm các nguyên tắc, lý thuyết và thực hành.

Bài viết này bao gồm ba chương.

Chương 1 là cơ sở lý thuyết, chủ yếu tập trung vào các lý thuyết và định nghĩa liên quan về rèn luyện kỹ năng nghe và nói đa phương tiện của Trung Quốc. Chương này tóm tắt các nghiên cứu liên quan về giảng dạy nghe và nói đa phương tiện trong và ngoài nước và các khái niệm liên quan đến nghiên cứu này, và thảo luận về cơ sở lý thuyết của việc dạy và nói đa phương tiện của Trung Quốc.

Chương 2 chủ yếu khảo sát và phân tích các dữ liệu. Chương này tập trung vào hiện trạng của việc dạy nghe và nói tiếng Trung hỗ trợ đa phương tiện. Chúng tôi đã thực hiện một cuộc khảo sát và phân tích chi tiết về hiện trạng giảng dạy nghe và nói tiếng Trung Quốc dưới sự hỗ trợ của CNTT tại 3 trường lớn ở Việt Nam, đó là Đại học Ngoại ngữ- Đại học Quốc gia Hà nội, Đại học Ngoại ngữ Huế và Đại học Ngoại thương. Thông qua các câu hỏi điều tra, quan sát lớp học, phỏng vấn để điều tra ứng dụng đa phương tiện trong dạy nghe và nói tiếng Trung. Sau khi điều tra, việc thu thập và phân tích dữ liệu sẽ là cơ sở để đánh giá ảnh hưởng của việc ứng dụng CNTT vào trong dạy học kỹ năng nghe nói tiếng Trung Quốc của sinh viên Việt Nam. Chúng tôi sẽ sử dụng kết hợp phương pháp định tính và định lượng trong quá trình nghiên cứu.

Chương 3 là những kiến nghị khi sử dụng CNTT vào trong giảng dạy. Dựa trên các kết luận nghiên cứu của chương 2, chương này sẽ đưa ra một số kiến nghị để nâng cao chất lượng dạy và học kỹ năng nghe nói dưới sự hỗ trợ cuả CNTT.

Chúng tôi hy vọng rằng sau khi hoàn thành luận án này, chúng tôi có thể cung cấp cho giáo viên và người học tài liệu tham khảo giá trị cho việc dạy và học tiếng Trung Quốc, đặc biệt là phương pháp rèn luyện kỹ năng nghe và nói dưới sự hỗ trợ của CNTT.

Từ khóa: CNTT kỹ năng nghe nói tiếng Trung Quốc PPT mạng

# **GIỚI THIỆU**

## **0.1 Lý do chọn đề tài**

 Với sự phát triển nhanh chóng của khoa học và công nghệ hiện đại, việc ứng dụng CNTT vào trong dạy học đã mang lại những thay đổi lớn cho nền giáo dục hiện đại của chúng ta. Ứng dụng CNTT trong dạy học không chỉ cung cấp cho người học kiến ​​thức, mà quan trọng hơn là giúp họ làm thế nào để đón nhận kiến ​​thức, để người học có thể phát huy sự sáng tạo của mình. Do đó, hiện nay tất cả các quốc gia trên thế giới đều coi trọng việc ứng dụng CNTT vào trong giáo dục.

Trước đây, khi dạy kỹ năng nghe nói, giáo viên thường sử dụng đài, băng hoặc đĩa CD . dông cụ này chỉ có thể thực hiện nghe và nói lại. Thông thường, giáo viên sẽ cho sinh viên nghe và tưởng tượng tình huống của đoạn văn, sau đó sinh viên kể lại theo trí nhớ và trí tưởng tượng của mình. Phương pháp đào tạo này thường rất nhàm chán. Và chúng ta biết rằng để học một ngôn ngữ, đặc biệt là kỹ năng nói, ngoài phát âm chính xác, ngữ pháp, từ vựng chính xác, chúng ta cũng cần học ngôn ngữ cơ thể như ánh mắt, biểu cảm v.v. Do đó, phương pháp giảng dạy nghe và nói truyền thống không còn có thể đáp ứng nhu cầu phát triển xã hội hiện đại, sẽ khiến nhiều sinh viên cảm thấy mất hứng thú học tập. Vì vậy, việc ứng dụng CNTT vào trong giảng dạy tiếng Trung Quốc có thể cải thiện đáng kể hiệu quả giảng dạy và chất lượng giảng dạy. Tuy nhiên bất cứ thứ gì cũng có mặt tốt và mặt hạn chế, do vậy chúng ta cần hiểu chính xác để tận dụng triệt để những lợi thế của CNTT, để nó có thể phục vụ tốt nhất trong quá trình dạy học. Chúng tôi hy vọng bài nghiên cứu này sẽ cải thiện hiệu quả và nâng cao phương pháp giảng dạy kỹ năng nghe và nói tiếng Trung Quốc của giáo viên.

## **0.2. Mục tiêu và nhiệm vụ**

Để nâng cao chất lượng học tập, việc áp dụng CNTT vào trong giảng dạy có thể giúp nội dung bài giảng của giáo viên thực tế hơn, phong phú hơn, sinh động hơn. Do đó, việc áp dụng CNTT vào trong dạy học tiếng Trung Quốc đã trở thành một phương pháp giáo dục mới và hiện đại, nó sẽ giúp ích rất nhiều cho người học. Tuy nhiên, hiện trạng ứng dụng CNTT vào trong giảng dạy kỹ nang nghe nói tiếng Trung Quốc ở Việt Nam như thế nào? Trong quá trình sử dụng có tồn tại vấn đề gì không? Nên sử dụng như thế nào để đạt được hiệu quả tốt nhất? Chúng tôi sẽ tìm hiểu và nghiên cứu tình hình thực tế của các trường đại học tại Việt Nam và đưa ra những kiến nghị nhằm nâng cao chất lương giảng dạy.

## **0.3. Phương pháp nghiên cứu**

Trong quá trình nghiên cứu, theo nhu cầu và nội dung nghiên cứu, nghiên cứu này chủ yếu áp dụng nghiên cứu định tính, nghiên cứu định lượng, phân tích thống kê và quy nạp.

## **0.4. Đối tượng nghiên cứu và đối tượng điều tra**

Đối tượng nghiên cứu: Chúng tôi lựa chọn dạy học đa phương tiện làm đối tượng nghiên cứu.

 Đối tượng điều tra gồm giáo viên và sinh viên dạy năm 1 và năm 2 của trường Đại học Ngoại ngữ- Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Ngoại ngữ Huế và Đại học Ngoại thương Hà Nội. Trong số đó, có 23 giáo viên và 75 sinh viên của Đại học Ngoại ngữ Đại học Quốc gia Hà Nội. Lý do chúng tôi lựa chọn 3 trường này là do 3 trường này đều đi đầu trong cải cách và đổi mới giáo dục tại Việt Nam.

## **0.5. Xử lý và phân tích dữ liệu**

Tác giả sử dụng các công cụ khác nhau để phân tích kết quả thu thập được thông qua bảng câu hỏi, phỏng vấn và quan sát trong lớp học. Dữ liệu được thu thập từ các bảng câu hỏi và các bài phỏng vấn, sau khi nhập các dữ liệu vào trong phần mềm SPSS, dữ liệu sẽ được mã hóa, xử lý và phân tích.

## **0.6. Ý nghĩa nghiên cứu**

 Nghiên cứu này có ý nghĩa lớn đối với việc dạy và học kỹ năng nghe nói tiếng Trung Quốc dưới sự hỗ trợ của CNTT. Bằng cách phân tích các phương pháp và chiến lược dạy và học của giáo viên và sinh viên, chúng tôi sẽ đưa ra những phương pháp học tập phù hợp để giáo viên và người học có thể tự điều chỉnh và đạt được kết quả học tập tốt nhất. Nghiên cứu này có ý nghĩa lý thuyết và thực tiễn quan trọng, ở một mức độ nhất định nào đó, nó làm phong phú thêm phạm vi nghiên cứu lien quan đến rèn luyện kỹ năng nghe nói tiếng Trung Quốc. Nó không chỉ cung cấp cơ sở lý thuyết để cải cách, đổi mới và phát triển phương pháp giảng dạy tiếng Trung Quốc, mà còn cung cấp các phương pháp giảng dạy và chiến lược giảng dạy để tham khảo.

**0.7. Cấu trúc của luận án**

Luận án gồm 3 chương:

Chương 1: Tổng luận

Chương 2: Hiện trạng ứng dụng CNTT vào trong giảng dạy kỹ năng nghe nói tiếng Trung Quốc tại Việt Nam.

Chương 3: Thực nghiệm ứng dụng CNTT vào trong giảng dạy kỹ năng nghe nói tiếng Trung Quốc và một số kiến nghị dạy học.

# **Chương 1: LÝ THUYẾT**

## 

## **1.1. Nghiên cứu về giảng dạy kỹ năng nghe nói tiếng Trung Quốc dưới sự hỗ trợ của công nghệ thông tin**

Nội dung này gồm 3 phần chính, thứ nhất là những nghiên cứu liên quan đến dạy học kỹ năng nghe nói tiếng Trung Quốc, thứ hai là những nghiên cứu liên quan đến giảng dạy dưới sự hỗ trợ của CNTT, thứ ba là những nghiên cứu liên quan về giảng dạy kỹ năng nghe nói dưới sự hỗ trợ của CNTT. Cụ thể như sau:

***1.1.1. Những nghiên cứu liên quan đến giảng dạy kỹ năng nghe nói tiếng Trung Quốc***

Không thể phủ nhận tầm quan trọng của những kết quả nghiên cứu cả trong và ngoài nước liên quan đến giảng dạy kỹ năng nghe nói tiếng Trung Quốc. Rất nhiều giáo viên và nhà nghiên cứu đã thực hiện các nghiên cứu liên quan đến dạy nghe và nói, đồng thời cung cấp nhiều phương pháp giảng dạy nhằm nâng cao chất lượng dạy và học, trong đó có thể kể đến những kết quả nghiên cứu của Nemtchinova, Vandergrift & Goh, 吕必松, 李晓琪, Phạm Thị Xuân Ngọc v.v.

***1.1.2. Những nghiên cứu liên quan đến giảng dạy qua công nghệ thông tin***

 Cho dù là từ góc độ của lý thuyết giảng dạy hoặc ứng dụng, các nhà nghiên cứu đã khẳng định tác động tích cực của CNTT vào trong giảng dạy. Cùng với những kết luận khẳng định những lợi thế của việc dạy học qua CNTT, những nhà nghiên cứu cũng khách quan nêu rõ những ưu nhược điểm của nó khi sử dụng trong dạy học. Qua đó một lần nữa chứng minh rằng dạy học qua CNTT rất hữu ích để cải thiện hiệu quả dạy và học.

***1.1.3. Những nghiên cứu liên quan đến dạy nghe và nói dưới sự hỗ trợ của công nghệ thông tin***

Ở Trung Quốc, những nghiên cứu liên quan đến dạy nghe và nói dưới sự hỗ trợ của CNTT tương đối nhiều, trong khi ở Việt Nam, có rất ít nghiên cứu về phát triển và sử dụng CNTT trong giảng dạy nghe và nói, hơn nữa nội dung nghiên cứu vẫn chưa sâu. Có thể nói, hầu hết các nghiên cứu liên quan đến giảng dạy dưới sự hỗ trợ của CNTT tập trung vào nghiên cứu lý thuyết và thực tiễn. Có khá ít nghiên cứu liên quan đến vận dụng công nghệ thông tin để hỗ trợ rèn luyện kỹ năng dạy nghe và nói, đặt biệt là nghe và nói tiếng Trung Quốc.

**1.2. Những khái niệm liên quan đến nghiên cứu**

***1.2.1. Khái niệm về công nghệ thông tin và giảng dạy qua công nghệ thông tin***

(1) Khái niệm về công nghệ thông tin

CNTT thường được hiểu là sự tích hợp của nhiều phương tiện, bao gồm hình ảnh, âm thanh, văn tự, mạng v.v.

(2) Khái niệm về giảng dạy qua công nghệ thông tin

Giảng dạy qua công nghệ thông tin có thể hiểu rằng trong quá trình dạy học, giáo viên căn cứ vào điều kiện của môi trường giảng dạy, mục tiêu dạy học và đối tượng giảng dạy, kết hợp với phương pháp giảng dạy truyền thống, lựa chọn và sử dụng hợp lý CNTT để đạt được hiệu quả giảng dạy tối ưu nhất

***1.2.2. Khái niệm kỹ năng nghe nói tiếng Trung Quốc và kỹ năng nghe nói tiếng Trung Quốc dưới sự hỗ trợ của công nghệ thông tin***

Kỹ năng nghe nói nghĩa là thông qua tai, người nghe có thể tiếp nhận các thông tin, thông tin thu được sẽ được truyền đạt bằng lời nói thông qua khả năng nhận thức của người nghe. Để nâng cao kỹ năng nghe nói, người dạy có thể sử dụng các phương pháp giảng dạy khác nhau như luyện tập nói nhiều lần, luyện tập bắt chước v.v. để người học có thể nói thành thạo, lưu loát .

   Kỹ năng nghe nói tiếng Trung Quốc dưới sự hỗ trợ của CNTT nghĩa là giáo viên thông qua việc sử dụng màn hình máy tính hoặc điện thoại di động để hiển thị văn bản, hình ảnh, âm thanh, v.v ... để hỗ trợ học sinh học tập, rèn luyện học sinh cách thức thu thập thông tin và rèn luyện kỹ năng nói tiếng Trung Quốc.

***1.2.3. Khái niệm và phân loại chiến lược học tập ngôn ngữ***

(1) Khái niệm về chiến lược học tập

 Rubin (1987) tin rằng chiến lược học tập là chiến lược mà người học tự xây dựng và ảnh hưởng trực tiếp đến quá trình học tập. Những chiến lược này có thể ảnh hưởng trực tiếp đến sự phát triển của hệ thống ngôn ngữ. 史耀芳cho rằng chiến lược học tập là một quá trình điều chỉnh có ý thức quá trình học tập để đạt được một mục tiêu học tập nhất định.

(2) Định nghĩa về chiến lược học ngôn ngữ

Weinstein & Mayer (1986) cho rằng chiến lược học ngôn ngữ là khi học ngôn ngữ, người học có những phương pháp và ý tưởng phù hợp với bản thân. Những phương pháp và ý tưởng này được thiết kế để tác động đến việc xử lý thông tin của người học.

Oxford (1990) cho rằng các chiến lược học ngôn ngữ là hành động mà người học thực hiện để làm cho việc học ngôn ngữ hiệu quả hơn, tự chủ và thú vị hơn.

(3) Phân loại chiến lược học ngôn ngữ

R.L.Oxford phân loại chiến lược học tập thành chiến lược trực tiếp và chiến lược gián tiếp. Chiến lược trực tiếp đề cập đến các hành vi có thể trực tiếp giúp cho người học hiểu và ghi nhớ nội dung học tập. Nó bao gồm ba loại phụ của chiến lược ghi nhớ, chiến lược nhận thức và chiến lược đối phó sự thiếu hụt về ngôn ngữ . Chiến lược gián tiếp đề cập đến những cách mà người học hiểu nội dung học tập một cách gián tiếp, bao gồm chiến lược siêu nhận thức, chiến lược cảm xúc và chiến lược giao tiếp xã hội.

O`Mallay & Chamot cho rằng các chiến lược học ngôn ngữ là những suy nghĩ và hành động đặc biệt mà người học sử dụng để giúp họ hiểu, học và ghi nhớ thông tin mới. Theo phương pháp ba điểm được đề xuất bởi lý thuyết xử lý thông tin, họ tin rằng các chiến lược học tập bao gồm ba nhóm chính: chiến lược siêu nhận thức, chiến lược nhận thức và chiến lược cảm xúc.

(4) Phân loại chiến lược học tập trong môi trường đa phương tiện

 Dựa theo phân loại chiến lược học ngôn ngữ của R.L.Oxford, tác giả liệt kê các phân loại chiến lược học tập trong môi trường đa phương tiện, bao gồm chiến lược siêu nhận thức, chiến lược cảm xúc và chiến lược giao tiếp xã hội, chiến lược ghi nhớ, chiến lược nhận thức và chiến lược đối phó sự thiếu hụt về ngôn ngữ

## **1.3. Cơ sở lý thuyết**

***1.3.1. Lý thuyết tiếp thu ngôn ngữ thứ hai và vận dụng lý thuyết đó vào trong giảng dạy kỹ năng nghe nói tiếng Trung Quốc dưới sự hỗ trợ của công nghệ thông tin***

(1) Lý thuyết tiếp thu ngôn ngữ thứ hai

Liên quan đến lý thuyết tiếp thu ngôn ngữ thứ hai, nhà ngôn ngữ học người Mỹ Krashen đã đưa ra năm giả thuyết chính vào đầu những năm 1980. Tác giả tin rằng "giả thuyết đầu vào" và "giả thuyết lọc cảm xúc" có ý nghĩa định hướng sâu sắc cho việc giảng dạy đa phương tiện của Trung Quốc.

Trong Giả thuyết đầu vào, Krashen minh họa cách người học ngôn ngữ thứ hai chấp nhận và tiếp thu các tài liệu ngôn ngữ. Ông tin rằng khi tiếp thu thêm dữ liệu phải dựa trên khả năng thu nhập thông tin của người học. Nếu thông tin quá đơn giản so với khả năng tiếp thu của người học thì học sẽ cảm thấy nhàm chán, nếu thông tin vượt quá khả năng tiếp thu của người học thì họ sẽ cảm thấy quá khó và dễ buông bỏ.

 (2) Vận dụng lý thuyết tiếp thu ngôn ngữ thứ hai vào trong giảng dạy kỹ năng nghe nói tiếng Trung Quốc dưới sự hỗ trợ của công nghệ thông tin

Theo lý thuyết tiếp thu ngôn ngữ thứ hai, trong quá trình giảng dạy, giáo viên nên chọn đầu vào ngôn ngữ phù hợp, tăng cường động lực học tập và hứng thú, sự tự tin của học sinh và giảm lọc cảm xúc.

***1.3.2. Lý thuyết tâm lý học***

Vào những năm 1960, một nhà tâm lý học Treicher đã tiến hành một thí nghiệm. Kết quả cho thấy 3,5% thông tin của con người là từ khứu giác, 1,5% từ xúc giác, 1% từ vị giác, 83% từ thị giác, 11% từ thính giác. Có thể thấy rằng hầu hết các giác quan của con người có được từ thị giác và thính giác.

***1.3.3. Lý thuyết học tập hành vi và vận dụng lý thuyết đó vào trong giảng dạy kỹ năng nghe nói tiếng Trung Quốc dưới sự hỗ trợ của công nghệ thông tin***

(1) Lý thuyết học tập hành vi

Kích thích, đáp ứng và củng cố là những ý tưởng cơ bản của lý thuyết học hành vi. Lý thuyết học hành vi chủ yếu bao gồm lý thuyết thử và sai của Thorndike, lý thuyết điều hòa của Ivan và lý thuyết học tập của Skinner.

Trong lý thuyết về thử và sai, Thorndike tin rằng học tập là một quá trình lặp đi lặp lại "bài tập" và thu được "hiệu ứng" thỏa đáng trong quá trình "thử và sai", và các hành động không cần thiết sẽ dần dần biến mất.

Trong lý thuyết về học tập , Skinner nhấn mạnh đến sự củng cố sau khi hoạt động, và quá trình tăng cường đã thay đổi động lực chính của việc học.

Trong lý thuyết về phản xạ có điều kiện, Ivan tin rằng thông qua việc không ngừng thực "kích thích vô điều kiện" có thể tránh được những kích thích mang tính tiêu cực.

(2) Vận dụng lý thuyết học tập hành vi vào trong giảng dạy kỹ năng nghe nói tiếng Trung Quốc dưới sự hỗ trợ của công nghệ thông tin

Theo lý thuyết học hành vi, giáo viên nên khuyến khích người học dám phạm sai lầm và tăng cường củng cố kích thích mang tính tích cực để đạt được hiệu quả giảng dạy tốt nhất.

***1.3.4. Lý thuyết học tập nhận thức và vận dụng lý thuyết đó vào trong giảng dạy kỹ năng nghe nói tiếng Trung Quốc dưới sự hỗ trợ của công nghệ thông tin***

(1) Lý thuyết học tập nhận thức

Lý thuyết học tập nhận thức nhấn mạnh rằng quá trình học tập là quá trình con người tiếp thu kiến ​​thức, lưu trữ và duy trì nó, sắp xếp nó, cải thiện và sử dụng nó, và việc tiếp thu, duy trì và sử dụng kiến ​​thức không thể tách rời khỏi cấu trúc nhận thức.

Phát hiện nhận thức của Bruner nhấn mạnh đến sáng kiến ​​học tập. Ông tin rằng việc học tập không được hình thành nếu như học thụ động, mà chỉ có thông qua chủ động học tập mới có thể hình thành nên một cấu trúc nhận thức.

Theo lý thuyết nhận thức xã hội, mục đích cuối cùng của việc học ngôn ngữ là sử dụng ngôn ngữ trong giao tiếp, và quá trình giao tiếp cũng quan trọng như ngôn ngữ.

(2) Vận dụng lý thuyết học tập nhận thức vào trong giảng dạy kỹ năng nghe nói tiếng Trung Quốc dưới sự hỗ trợ của công nghệ thông tin

Theo lý thuyết về nhận thức, giáo viên nên tăng cường sự chủ động của học sinh, tăng cường giao tiếp xã hội và xử lý từ hai kênh trong quá trình giảng dạy.

***1.3.5. Lý thuyết học tập kiến ​​tạo và vận dụng lý thuyết đó vào trong giảng dạy kỹ năng nghe nói tiếng Trung Quốc dưới sự hỗ trợ của công nghệ thông tin***

(1) Lý thuyết học tập kiến ​​tạo

Lý thuyết học tập kiến ​​tạo là sự phát triển từ lý thuyết học tập hành vi và lý thuyết học tập nhận thức. Lý thuyết học tập kiến ​​tạo nhấn mạnh quá trình học tập hơn là nội dung học tập. Họ tin rằng "môi trường", "hợp tác", "hội thoại" và "xây dựng ý nghĩa" là bốn yếu tố chính trong môi trường học tập.

(2) Vận dụng lý thuyết học tập kiến ​​tạo vào trong giảng dạy kỹ năng nghe nói tiếng Trung Quốc dưới sự hỗ trợ của công nghệ thông tin

Theo lý thuyết học tập kiến ​​tạo, giáo viên nên tối ưu hóa môi trường học tập và tạo cơ hội giao tiếp hợp tác trong quá trình giảng dạy.

**1.4. Tiểu kết chương 1**

Mặc dù ngày nay ứng dụng CNTT vào trong giảng dạy ngày càng được giáo viên và các nhà nghiên cứu quan tâm nhưng hiện tại vẫn chỉ dừng lại ở những bài viết chia sẻ hay những nhận định của người viết về đề tài này, vẫn chưa có bài nghiên cứu chuyên sâu về hiện trạng ứng dụng CNTT vào trong giảng dạy, đặc biệt là đối với kỹ năng nghe nói tiếng Trung Quốc tại Việt Nam. Dựa trên 5 cơ sở lý luận chúng tôi đã nêu trên, chúng tôi sẽ tiến hành khảo sát, nghiên cứu để timg ra những hạn chế khi giáo viên và sinh viên sử dụng CNTT vào trong giảng dạy, từ đó sẽ đưa ra một vài kiến nghị nhằm nâng cao chất lượng dạy học kỹ năng nghe nói tiếng trung Quốc.

# **Chương 2: HIỆN TRẠNG ỨNG DỤNG CNTT TRONG DẠY HỌC KỸ NĂNG NGHE NÓI DƯỚI SỰ HỖ TRỢ CỦA CNTT**

Từ nhiều năm nay, ở các trường Đại học cũng đã tương đối phổ biến mô hình giảng dạy sử dụng bài giảng điện tử cùng với các trang thiết bị khác như máy tính, máy chiếu v.v. Giáo án điện tử và các trang thiết bị này có thể coi là những công cụ dạy học đa năng vì nó có thể thay thế cho hầu hết các công cụ dạy học khác từ truyền thống như tranh vẽ, mô hình, đài, ti vi v.v. Hơn nữa, nếu các bài giảng điện tử được đầu tư xây dựng cẩn thận, khoa học thì sẽ đem lại hiệu quả cao hơn rất nhiều so với các bài giảng dưới sự hỗ trợ của những công cụ truyền thống. Để hiểu rõ hiện trạng ứng dụng CNTT trong dạy và học kỹ năng nghe nói dưới sự hỗ trợ của CNTT, chúng tôi đã tiến hành điều tra với 2 đối tượng, đó là giáo viên và sinh viên. Nội dung điều tra được phân loại thành những phần sau:

**2.1. Giới thiệu về 3 trường đại học tại Việt Nam**

Nghiên cứu của chúng tôi được tiến hành thông qua điều tra 3 trường đại học, đó là trường đại học ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Ngoại ngữ Huế và Đại học Ngoại thương Hà Nội.

Về phương diện cơ sở vật chất, ba trường trên đều có lớp học đa phương tiện, trong đó các lớp học được trang bị các phương tiện giảng dạy truyền thống như bảng đen và phấn, ngoài ra còn có các trang bị máy tính đa phương tiện như là máy chiếu, TV , màn hình, hệ thống âm thanh, nguồn điện, mạng trường, v.v. Chỉ có một số phòng học thuộc trường Đại học Ngoại ngữ không có máy tính, còn lại các trường khác có cơ sở vật chất tương đối tốt. Có thể thấy rằng các trường rất coi trọng việc giảng dạy và đầu tư CNTT vào giáo dục, về cơ bản có thể đáp ứng nhu cầu của thiết bị dạy học qua CNTT.

***2.2. Tình hình ứng dụng công nghệ thông tin vào trong giảng dạy của giáo viên***

Các kết quả khảo sát trên cho thấy hầu hết giáo viên đều công nhận những lợi ích của CNTT trong giảng dạy. Họ nói rằng việc sử dụng CNTT vào trong dạy nghe và nói tiếng Trung Quốc có thể kích thích sự hứng thú của sinh viên trong việc học và làm cho không khí lớp học trở nên vui nhộn, thoải mái hơn, giúp cho sinh viên tập trung hơn, nó có thể mở rộng kiến thức tiếng Trung Quốc của học sinh và giúp họ hiểu nội dung giảng dạy dễ dàng hơn.

Đối với đánh giá của giáo viên về giảng dạy đa phương tiện, giáo viên bày tỏ sẵn sàng sử dụng giảng dạy CNTT để cung cấp cho sinh viên môi trường học tập tốt nhất. Tuy nhiên, do trình độ CNTT còn chế, họ chỉ có thể tạo ra các chương trình học đơn giản và không thể tận dụng tối đa việc giảng dạy qua CNTT.

Trong quá trình sử dụng các mạng Internet để hỗ trợ giảng dạy chúng tôi thấy rằng giáo viên sử dụng hiệu quả không cao. Giáo viên chủ yếu tìm kiếm và cung cấp thông tin cho sinh viên qua Internet. Một số giáo viên cũng giao tiếp với sinh viên hoặc giao bài tập về nhà qua mạng xã hội. Về cơ bản, họ không tận dụng Internet để hỗ trợ sinh viên học tập và nâng cao hiệu quả giảng dạy.

**2.3. Phân tích, đánh giá kết quả khảo sát dành cho cho sinh viên**

Đối với sinh viên, chất lượng của các buổi học trên lớp do giáo viên thiết kế PPT khá ổn. Tuy nhiên một số sinh viên nghĩ rằng nội dung do giáo viên thiết kế trên PPT tương đối nhiều, gây ra những ảnh hưởng tiêu cực.

Mặc dù không thể phủ nhận những lợi thế của CNTT trong lớp học, nhưng họ vẫn không muốn từ bỏ phương pháp giảng dạy truyền thống. Mặc dù những PPT mà giáo viên thiết kế nhận được phản hồi tốt, nhưng vẫn còn tồng tại một số hạn chế. Ví dụ, giáo viên sử dụng quá nhiều phần mềm thay luôn bảng đen. Nội dung thiết kế quá nhiều hoặc quá đơn điệu tẻ nhạt, hay giảo viên chuyển tiếp quá nhanh v.v.

Đối với việc sử dụng mạng hỗ trợ cho sinh viên, hầu hết mọi người đều đồng ý rằng mạng Internet rất hữu ích cho kỹ năng nghe và nói trong học tập tiếng Trung Quốc. Tuy nhiên qua kết quả khảo sát chúng tôi thấy rằng ngôn ngữ được sinh viên sử dụng để tìm kiếm chủ yếu là tiếng Việt, rất ít sinh viên dụng ngôn ngữ Trung Quốc để truy cập Internet. Tác giả cho rằng lý do chính đó là: thứ nhất, họ đã quen với việc sử dụng ngôn ngữ tiếng Việt để tìm kiếm thông tin. Thứ hai, họ không bị yêu cầu sử dụng tiếng Trung Quốc để tìm kiếm dữ liệu. Chúng tôi cho rằng việc cải thiện mục đích sử dụng Internet có thể sẽ cải thiện hiệu quả học tập của họ.

Về vấn đề sinh viên lợi dụng mạng Internet để nâng cao chiến lược tập của mình, kết quả khảo sát cho thấy thứ tự mà sinh viên chọn chiến lược học tập là cảm xúc, nhận thức, ghi nhớ, siêu nhận thức, bồi thường và giao tiếp xã hội.

**2.4. Kết quả quan sát lớp học**

(1) Ưu điểm

Qua quan sát, tác giả có thể thấy rằng giáo viên rất cố gắng để tăng hứng thú học tập của sinh viên. Giáo viên tìm một số video, hình ảnh hoặc văn bản liên quan đến nội dung giảng dạy, và thông qua máy chiếu hiển thị chúng một cách sinh động. Phương pháp này rất có lợi cho việc tạo ra một ngữ cảnh tự nhiên,cụ thể, thực tế. Sinh viên bước vào thế giới ngôn ngữ Trung Quốc một cách tự nhiên và chân thực, thu hút sự chú ý của họ và truyền cảm hứng mong muốn học hỏi và rèn luyện.

Giáo viên thiết kế và sử dụng PPT hợp lý. Về cơ bản kích thước phông chữ phù hợp, nền rõ ràng và dễ nhìn.

(2) Nhược điểm

Các bài PPT và các hoạt động giảng dạy do giáo viên thiết kế tương đối đơn điệu. Theo thời gian, sinh viên sẽ cảm thấy buồn tẻ và nhàm chán, và sự mới mẻ của họ về CNTT sẽ dần biến mất. Qua quan sát, trên lớp phần lớn giáo viên chỉ hiển thị văn bản, thỉnh thoảng có xuất hiện những hình ảnh, tuy nhiên video hiếm khi xuất hiện.Có thể thấy giáo viên thiết kế PPT rất đơn giản và chưa tận dụng hết được các ứng dụng của PPT.

Đôi khi việc giải thích từ mới thiếu sự trợ giúp của hình ảnh, đặc biệt là đối với sinh viên năm thứ nhất, vì trình độ tiếng Trung Quốc của họ không cao, giáo viên chèn càng nhiều hình ảnh họ càng có thể nắm bắt tốt hơn nội dung bài giảng. Nhưng cũng có lúc có quá nhiều hình ảnh và video, khiến học sinh quá chú ý đến hình ảnh và video, điều này dễ làm mất tập trung vào việc học và thiếu tư duy.

Quá nhiều nội dung trên PPT đã khiến sinh viên bận rộn ghi chép và bỏ bê những gì giáo viên nói. Đôi khi trọng tâm không được hiển thị rõ trên PPT và học sinh dễ dàng không phân biệt được nội dung trọng tâm v.v .

**2.5. Những vấn đề tồn tại và lý do khi sử dụng công nghệ thông tin vào trong giảng dạy kỹ năng nghe nói tiếng Trung Quốc**

(1) Về vấn đề giáo viên ứng dụng CNTT vào trong giảng dạy

Hầu hết các giáo viên đều công nhận những lợi ích của việc dạy học qua CNTT, tuy nhiên họ cũng không phủ nhận những mặt hạn chế của nó. Theo kết quả khảo sát, 8,72% học sinh phản ánh họ ít có cơ hội giao tiếp với giáo viên, điều đó có nghĩa là học sinh sẽ ít có cơ hội giao tiếp trược tiếp với giáo viên. Hầu hết sự chú ý của họ tập trung vào màn hình và ít chú ý đến ngôn ngữ cơ thể của giáo viên. Do đó sinh viên không thể học ngôn ngữ cơ thể qua giáo viên và những nhành vi mô phạm của giáo viên cũng không thể chuyển tải đến người học.

44,76% học sinh phản ánh rằng trong quá trình rèn luyện kỹ năng nghe và nói tiếng Trung Quốc ở trên lớp, giáo viên chủ yếu sử dụng PPT thay thế bảng đen bằng, thậm chí còn có một số giáo viên từ bỏ thói quen sử dụng phấn trắng bảng đen, thay thế hoàn toàn bằng PPT. Nếu họ cần hiển thị chữ Trung Quốc hoặc nội dung cần chuyển tải, họ chỉ cần sử dụng máy tính gõ gõ thay vì dùng phấn trắng viết lê bảng đẹn.

(2) Về vấn đề thiết kế PPT

Kết quả khảo sát cho thấy 37,20% sinh viên cho rằng PPT được thiết kế khá đơn điệu, có ít nội dung thú vị, PPT như là một bản sao của sách giáo khoa. Nội dung từ mới chiếm đa số PPT, một số nội dung không được nhấn mạnh. ngoài ra hiện tượng sử dụng hình ảnh không hợp lý làm lóa mắt người học, ảnh hưởng đến sự chú ý của họ.

Nhiều giáo viên thường thêm nội dung bổ sung cho sinh viên khi thiết kế PPT, vì vậy lượng thông tin truyền cho sinh viên tương đối lớn. Hình ảnh đầy màu sắc, sống động và các video hấp dẫn khiến cho người học mất tập trung.

Những thao tác khi trình chiếu PPT rất đơn giản, tuy nhiên cũng dễ gặp sự cố. Kết quả khảo sát cho thấy, 40,69% sinh viên cho rằng xuất hiện sự cố khi đang sử dụng PPT ít nhiều ảnh hưởng đến tâm lý học tập của họ.

(3) Về vấn đề ứng dụng mạng Intenet vào trong giảng dạy

Dạy học dưới sự hỗ trợ của mạng Internet mang lại rất nhiều lợi ích cho giáo viên và sinh viên, đồng thời cũng mang một số tác động tiêu cực. Ví dụ, sinh viên không thể trực tiếp giao tiếp với giáo viên và bạn học, và cũng không thể nhìn thấy biểu cảm của nhau. Lượng thông tin trên mạng thường rất phong phú, khiến cho sinh viên cảm thấy hoang mang, không biết nên chọn thông tin nào. Học sinh quá phụ thuộc vào Internet và dần mất khả năng tư suy. Các ứng dụng mạng xã hội khác nhau cung cấp cho sinh viên nhiều cơ hội để tương tác với người Trung Quốc.v.v. Có thể nói các phương pháp học tập như vậy có thể nhanh chóng cải thiện khả năng nghe và nói tiếng Trung, tuy nhiên họ cũng phải đối mặt với nhiều nguy hiểm rình rập.

**2.5. Tiểu kết chương 2**

Thông qua kết quả điều tra, chúng tôi thấy rằng, hiện nay tại các trường Đại học giáo viên và sinh viên đều rất tích cực sử dụng CNTT để hỗ trợ dạy và học tiếng Trung Quốc, rất nhiều sinh viên quen sử dụng các ứng dụng hỗ trợ học tập dẫn đến tính ỷ lại, điển hình là sinh viên ngày nay rất ít bạn biết tra từ điển truyền thống, khi gặp từ lạ không cần suy nghĩ hoặc đoán xem từ đó có ý nghĩa gì mà sẽ lôi điện thoại ra tra. Hay mặc dù giáo viên rất cố gắng, tích cực vận dụng CNTT vào trong giảng dạy nhưng do khả năng công nghệ còn hạn chế và phương pháp chưa hợp lý nên vẫn chưa đạt được hiệu quả cao.

Theo kết quả khảo sát cho thấy các Slide thiết kế quá đơn điệu, chương trình học ít thú vị và chủ yếu là chuyển nội dung từ sách giáo khoa sang Slide. Trong một buổi học lượng kiến thức giáo viên cung cấp quá nhiều, vượt quá khả năng tiếp thu của sinh viên cũng là một vấn đề đáng được quan tâm. Ngoài ra sinh viên còn phản ánh giáo viên giảng bài quá nhanh, đôi khi không kịp ghi lại. Việc thiết kế slode mang tính thẩm mỹ cũng cần được giáo viên được chú ý đến. Các thiết bị đa phương tiện bị lỗi ít nhiều sẽ ảnh hưởng đến tâm trạng học tập của họ.

Về việc sử dụng mạng Internet để hỗ trợ cho việc dạy và học, ưu điểm thì quá nhiều và nhược điểm thì cũng không phải không có. Như không thể nhìn thấy biểu cảm, sinh viên ngày nay quá phụ thuộc vào Internet và dần mất khả năng tự suy nghĩ và tìm hiểu vấn đề, dẫn đến lười tư duy.v.v.

Nói tóm lại, CNTT chỉ là một công cụ hỗ trợ cho việc giảng dạy. Mặc dù chúng ta đều công nhận những lợi thế của giảng dạy kỹ năng nghe nói qua sự hỗ trợ của CNTT, nhưng nó vẫn tồn tại những mặt hạn chế. Hiểu và khắc phục được những hạn chế trên chúng ta sẽ sử dụng CNTT một cách hiệu quả nhất.

# **Chương III: THỰC NGHIỆM ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀO TRONG GIẢNG DẠY KỸ NĂNG NGHE NÓI TIẾNG TRUNG QUỐC VÀ MỘT SỐ ĐỀ XUẤT VỀ PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC KỸ NĂNG NGHE NÓI TIẾNG TRUNG QUỐC CHO SINH VIÊN VIỆT NAM DƯỚI SỰ HỖ TRỢ CỦA CNTT**

**3.1. Thực nghiệm ứng dụng công nghệ thông tin vào trong giảng dạy kỹ năng nghe nói tiếng Trung Quốc**

Dựa vào kết quả khảo sát và phân tích ở chương 2, chúng ta có thể thấy rằng phương pháp dạy và học kỹ năng nghe nói tiếng Trung Quốc dưới sự hỗ trợ của CNTT vẫn còn tông tại nhiều mặt hạn chế và cần được cải thiện. Do đó, chương này chúng tôi đã tiến hành thực nghiệm một số phương pháp giảng dạy kỹ năng nghe nói tiếng Trung Quốc dưới sự hỗ trợ của CNTT. Nội dung bao gồm:

***3.1.1. Đối tượng tham gia thực nghiệm***

Đối tượng tham gia thực nghiệm của chúng tôi là sinh viên năm thứ hai lớp 18C1 và 18C7 thuộc trường Đại học Ngoại ngữ- Đại học Quốc gia Hà Nội.

***3.1.2. Thiết kế bài giảng nghe nói dưới sự hỗ trợ của công nghệ thông tin***

Mục tiêu giảng dạy chính của thực nghiệm này là sử dụng VNTT để cải thiện khả năng nghe và nói tiếng Trung Quốc của sinh viên. Trong quá trình thiết kế nội dung giảng dạy, giáo viên sử dụng hợp lý và tích cực phát huy những lợi thế của CNTT. Đặc biệt, giáo viên sử dụng còn sự trợ giúp của mạng Internet để rèn luyện sinh viên tính tự chủ trong học tập.

Chúng tôi sử dụng cuốn sách giáo khoa "中级汉语听说教程---上册" do Nhà xuất bản Đại học Bắc Kinh xuất bản để tiến hành thực nghiệm. Chúng tôi chọn đoạn hội thoại bài 8 "办个什么样的婚礼" làm nội dung tiến hành thực nghiệm. Ngoài việc lựa chọn giáo trình trên, chúng tôi còn sử dụng CNTT làm công cụ để hỗ trợ cho việc giảng dạy.

***3.1.3. Quá trình thực nghiệm***

Trong lớp học, giáo viên sử dụng PPT để trình chiếu và giải thích nội dung giảng dạy. Giáo viên sử dụng chương trình học PPT để hiển thị các tình huống học tập thực tế và sử dụng bảng đen để viết nội dung quan trọng. Giáo viên rất coi trọng việc xây dựng ngữ cảnh thực tế thông qua hình ảnh và video, giúp cho người học có hứng thú học tập. Đồng thời, sinh viên được khuyến khích học cách bắt chước. Ngoài ra giáo viên còn thiết kế một loạt các mô hình rèn luyện bắt chước để cho sinh viên cơ hội tham gia, tăng cường giao tiếp và tương tác giữa giáo viên và sinh viên, xây dựng bầu không khí học tập thoải mái.

***3.1.4. Đánh giá của giáo viên và sinh viên sau thực nghiệm***

Sau buổi thực nghiệm, chúng tôi tiến hành khảo sát và phỏng vấn giáo viên và sinh viên. Giáo viên bày tỏ sự tán thành phương pháp giảng dạy của tác giả. Phương pháp giảng dạy này giúp cho giáo viên và học sinh đều cảm thấy thoải mái và dễ truyền đạt, dễ hiểu khi học.

Kết quả khảo sát của sinh viên cũng cho thấy so với các phương pháp giảng dạy ban đầu, sinh viên thích phương pháp thử nghiệm của chúng tôi. Trong cuộc phỏng vấn, hầu hết các sinh viên bày tỏ sự hài lòng và ủng hộ thực nghiệm của chúng tôi. Về cơ bản, tất cả đều chỉ ra và thừa nhận những lợi ích của thực nghiệm. PPT thiết kế hợp lý, ngắn gọn, đẹp, sinh động và thú vị đã thu hút sự quan tâm của người học.

Mặc dù thực nghiệm của chúng tôi đều được giáo viên và sinh viên công nhận, tuy nhiên họ cũng nêu ra một số vấn đề còn hạn chế. Những vấn đề này chủ yếu là do trình độ CNTT của giáo viên và sinh viên còn hạn chế, và một vài trở ngại sẽ khi sử dụng ứng dụng mới. Chúng tôi cho rằng đây không phải là những vấn đề lớn và sẽ dần được khắc phục theo thời gian.

***3.1.5. Tổng kết***

Thông qua buổi thực nghiệm chúng tôi một lần nữa khẳng định tính ưu việt của công nghệ thông tin, sự hỗ trợ của CNTT đã đem đến cho người dạy và người học hiệu quả cao trong học tập.

Về vấn đề thiết kế giáo án điện tử, chúng tôi đã nhận được đánh giá tích cực từ phía người học. Trong quá trình giảng dạy, sinh viên cũng rất vui vẻ, nhiệt tình tham gia các hoạt động trên lớp, tiếp thu kiến thức nhanh, không khí lớp học rất vui vẻ thoải mái.

Về vấn đề vận dụng mạng Internet vào trong giảng dạy, giáo viên rất nhiệt tình tham gia và đặc biệt sinh viên rất tích cực tham gia các hoạt động trên mạng như chia sẻ dữ liệu, nộp bài tập hay tự học nâng cao kỹ năng nghe nói tiếng Trung Quốc. Tuy nhiên sử dụng mạng hỗ trợ cho việc học tập vẫn còn nhiều hạn chế như giáo viên mỗi ngày phải thêm giờ để hỗ trợ và chữa bài cho sinh viên hay có quá nhiều thông tin trên mạng, sinh viên không biết nên lựa chọn thông tin nào cho phù hợp vân vân. Do đó dưới đây chúng tôi sẽ đưa ra một vài kiến nghị dạy và học kỹ năng nghe nói tiếng Trung Quốc qua CNTT.

**3.2. Một số đề xuất về thiết kế PPT và thiết kế phương pháp giảng dạy qua mạng Internet**

***3.2.1.*** ***Một số đề xuất về thiết kế PPT***

Dựa trên các kết quả khảo sát trên, tác giả đưa ra một số đề xuất về việc thiết PPT.

Đầu tiên, về mặt thiết kế văn bản. Đối với từng đối tượng học khác nhau, chúng ta sử dụng các phương pháp thiết kế khác nhau. Trong quá trình thiết kế từ mới, ngữ pháp, bài tập v.v. giáo viên nên chú ý sử dụng phương pháp thiết kế khác nhau.

Thứ hai, cần làm nổi bật tính thẩm mỹ. Tính thẩm mỹ của PPT có thể được chia thành hai cấp độ, với các yêu cầu khác nhau sẽ có các cấp độ khác nhau. Cấp độ đầu tiên cũng là yêu cầu cơ bản của PPT, đó là hình ảnh đơn giản, nội dung rõ ràng, chất lượng âm thanh của video tốt. Cấp độ thứ hai yêu cầu cao hơn ,đó là màu sắc, phông chữ, hình ảnh, v.v ... phải nổi bật, rõ ràng và truyền cảm.

Thứ ba, video và hình ảnh hợp lý và chính xác, phản ánh đúng chủ đề, sinh động. Ngoài việc chú ý đến hiệu quả của việc sử dụng video và hình ảnh vào trong PPT, cũng phải lưu ý rằng các hình ảnh được sử dụng trong PPT phải rõ ràng, dung lượng và kích thước phải hợp lý.

Thứ tư, cung cấp số lượng nội dung hợp lý . Giáo viên nên nắm bắt "số lượng" khi làm chương trình học, có tính đến mức độ chấp nhận được của sinh viên. Ngoài ra, giáo viên cũng nên điều chỉnh nhịp chuyển trang theo mức độ chấp nhận của người học. Sự chấp nhận của người học càng tốt, trang có thể được quay càng nhanh và càng ít chấp nhận thì việc lật trang càng chậm.

***3.2.2. Thiết kế phương pháp giảng dạy qua mạng Internet***

Để phát huy lợi thế của mạng Internet, tác giả đưa ra một số gợi ý để phát triển phương pháp giảng dạy qua mạng Internet. Đầu tiên, tìm trang web phù hợp. Thứ hai, kích thích khả năng tư duy của học sinh. Thứ ba, rèn luyện sinh viên cách xử lý thông tin mạng. Thứ tư, rèn luyện sinh viên ý thức tự học tự tìm tòi.

***3.2.3. Rèn luyện chiến lược học tập kỹ năng nghe và nói tiếng Trung Quốc***

Dựa trên kết quả khảo sát các chiến lược học tiếng Trung đa phương tiện của sinh viên, tác giả đề xuất một số chiến lược cho kỹ năng nghe và nói đa phương tiện của Trung Quốc. Có sáu chiến lược, bao gồm chiến lược siêu nhận thức, chiến lược ghi nhớ, chiến lược nhận thức, chiến lược bồi thường, chiến lược cảm xúc và chiến lược giao tiếp xã hội.

***3.3. Kiến nghị một vài phương pháp giảng dạy nghe nói tiếng Trung Quốc qua CNTT***

Kết quả đánh giá của giáo viên và sinh viên về quá trình thực nghiệm của chúng tôi đã chứng minh rằng phương pháp giảng dạy này có thể tối ưu hóa hiệu quả của CNTT và nâng cao hiệu quả rèn luyện kỹ năng nghe nói tiếng Trung Quốc. Để nâng cao hiệu quả rèn luyện kỹ năng nghe và nói tiếng Trung Quốc, tác giả đề xuất một số phương pháp giảng dạy tiếng Trung Quốc dưới sự hỗ trợ của CNTT.

3.3.1. Học từ mới

Trong quá trình dạy học, giáo viên có thể sử dụng PPT để hiển thị và giải thích các từ mới. Phương sử dụng hình ảnh để truyền đạt thông tin đến sinh viên là một trong những phương pháp rất được sinh viên quan tâm. Hình thức này rất đa dạng, có thể rèn luyện theo hình thức cá nhân hoặc theo nhóm. Đối với người mới bắt đầu, họ không viết thứ tự các nét. Giáo viên có thể kết hợp với những phần mềm có sẵn trên mạng, kết với phương pháp giảng dạy truyền thống giúp sinh viên nhìn được rõ hơn thứ tự các nét.

3.3.2. Rèn luyện dựa theo ngữ cảnh

Giáo viên phát một số clip phim Trung Quốc hoặc chương trình giải trí mà sinh viên thích xem. Nội dung video đơn giản nhưng thực tế, sau đó hỏi sinh viên một số câu hỏi liên quan. Sinh viên trả lời câu hỏi của giáo viên dựa trên nội dung của video .

3.3.3. Xem phim

Học tiếng Trung Quốc qua phim Trung Quốc rất được sinh viên quan tâm. Giáo viên có thể chia sẻ video vào nhóm của lớp trên mạng, sau đó yêu cầu sinh viên thảo luận về cốt truyện, nhân vật, từ mới, v.v. trong video. Với phương pháp này, sinh viên có thể sử dụng thời gian ngoại khóa để thưởng thức toàn bộ bộ phim, học một số từ tiếng Trung Quốc trong phụ đề, luyện phát âm, v.v.

3.3.4. Diễn kịch

Trên PPT, giáo viên phát video liên quan đến nội dung giảng dạy, sau đó yêu cầu sinh viên nhập vai các nhân vất trong video dưới hình thức hoạt động nhóm. Khi học sinh nhập vai, khích lệ các em cố gắng bắt chước các cử chỉ, biểu cảm, ánh mắt, v.v. của các nhân vật và sử dụng các từ do giáo viên cung cấp.

3.3.5. Tự sáng tác chuyện

Giáo viên có thể cung cấp cho sinh viên một số từ vựng, hình ảnh hoặc video ngắn để sinh viên sử dụng trí tưởng tượng và tạo ra những câu chuyện của riêng họ. Nếu giáo viên phát video cho sinh viên, chúng ta có thể cho sinh viên xem hai lần. Trong quá trình nghe nhìn, sinh viên sẽ nhập rất nhiều thông tin và nắm chắc cấu trúc từ vựng và câu cơ bản, giúp sinh viên hiểu nội dung câu chuyện và cảm nhận toàn bộ câu chuyện. Cuối cùng, sinh viên được yêu cầu tưởng tượng và tiếp tục sáng tác phần cuối của câu chuyện.

3.3.6. Lồng tiếng video

Giáo viên phát video để sinh viên nghe và nhớ nội dung. Sau khi xem xong đoạn video, giáo viên có thể tắt tiếng video, chỉ trình bày nội dung màn hình video và sau đó cho sinh viên xem video để lồng tiếng. Giáo viên nên chấm điểm dự theo những yêu cầu như giọng điệu, ngữ điệu, tốc độ nói, mức độ trôi chảy, biểu cảm v.v.

3.3.7. Vận dụng bài hát để luyện nghe nói

Sinh viên có thể luyện và sửa lỗi phát âm thông qua các bài hát tiếng Trung Quốc, qua đó các em cũng có thể học được số lượng lớn từ mới có trong các bài hát. Trước tiên, giáo viên phát bài hát cho sinh viên nghe 2 hoặc 3 lần, sau đó rèn luyện khả năng nghe của sinh viên bằng cách yêu cầu trả lời các câu hỏi, đọc lời bài hát .v.v. Sau đó, giáo viên hiển thị lời bài hát chính xác, sinh viên so sánh với những nội dung họ đã nghe và đáp án.

3.3.8. Thiết kế trò chơi

Nhằm thay đồi không khí dạy học, giáo viên có thể vận dụng những hiệu ứng có sẵn trong PPT để thiết kế trò chơi như trò dấu ô đoán chữ, trò đuổi hình bắt chữ...

3.3.9. Học nhóm

Học nhóm không chỉ cung cấp cho sinh viên nhiều cơ hội giao tiếp, tăng cơ hội sử dụng ngôn ngữ đối với người học. Sinh viên có thể thông qua nhóm ở trên mạng giúp đỡ nhau học tập, chia sẻ những kinh nghiệm học hay nguồn dữ liệu hữu ích.

3.3.10. Sử dụng Zalo để hỗ trợ giảng dạy

Trước tiên, giáo viên thành lập một nhóm lớp trên Zalo. Nhóm này chủ yếu là nơi sinh viên rèn luyện ngoại khóa, cũng là nơi để giáo viên và sinh viên dẽ dàng tương tác với nhau hơn. Sau khi nhóm Zalo được thành lập, giáo viên đăng các chủ đề vào trong nhóm, sau đó giáo viên và học sinh thảo luận cùng nhau. Ngoài ra giáo viên cũng có thể yêu cầu sinh viên nộp bài tập qua tin thoại giúp sinh viên có nhiều cơ hội rèn luyện hơn.

**3.3. Tiểu kết chương 3**

CNTT như một phương tiện hỗ trợ đắc lực cho việc giảng dạy tiếng Trung Quốc đang ngày càng được nhiều giáo viên đón nhận và sử dụng, nhưng qua điều tra chúng ta có thể thấy rằng trình độ ứng dụng CNTT vào trong giảng dạy hiện nay của giáo viên cần phải được cải thiện.

Do đó, trong chương này chúng tôi đã thực hiện một nghiên cứu thực nghiệm dựa trên kết quả khảo sát. Trong quá trình tiến hành thực nghiệm, tác giả đã thiết kế các hoạt động giảng dạy khác nhau để rèn luyện kỹ năng nghe và nói tiếng Trung Quốc dưới sự hỗ trợ của CNTT, bao gồm các hoạt động trên lớp và ngoại khóa.

Sau quá trình thực nghiệm, tác giả đã tiến hành khảo sát và phỏng vấn giáo viên và sinh viên để so sánh hiệu quả của hai phương pháp giảng dạy. Kết quả khảo sát cũng cho thấy sự ủng hộ của giáo viên và sinh viên trong phương pháp giảng dạy thực nghiệm. Có thể nói phương pháp này đã khắc phục được nhiều hạn chế mà chương 2 chúng tôi đã nêu ra.

Dựa trên các kết quả nghiên cứu thực nghiệm ở trên, tác giả đưa ra một số kiến nghị về thiết kế bài giảng môn nghe nói dưới sự hỗ trợ của CNTT. Tác giả hy vọng rằng những đề xuất trên có thể phát huy lợi ích của CNTT và cung cấp cho giáo viên và sinh viên một số phương pháp dạy và học tiếng Trung Quốc trong thời đại CNTT.

# **KẾT LUẬN**

Cùng với sự phát triển nhanh chóng của Trung Quốc, ngôn ngữ Trung Quốc đã nhanh chóng được thúc đẩy trên khắp thế giới và Việt Nam cũng nằm trong số đó. Mô hình giảng dạy tiếng Trung Quốc tại Việt Nam không ngừng đổi mới. Các trường đại học tại Việt Nam rất coi trọng rèn luyện các kỹ năng nghe, nói, đọc và viết. Mặc dù sinh viên có điểm số tiếng Trung Quốc cao, nhưng thực tế kỹ năng nghe và nói của họ lại tương đối kém. Do đó, tác giả đã lựa chọn nghiên cứu việc dạy và học kỹ năng nghe nói tiếng Trung Quốc dưới sự hỗ trợ của CNTT nhằm tìm ra những vấn đề tồn tại trong việc dạy và học của giáo viên và sinh viên, nâng cao kỹ năng nghe và nói tiếng Trung Quốc của họ.

Bài viết này trước tiên về mặt lý thuyết, chúng tôi cung cấp một cơ sở lý luận nhằm nâng cao chất lượng rèn luyện kỹ năng nghe và nói tiếng Trung Quốc dưới sự hỗ trợ của CNTT. Chúng tôi chọn giáo viên và sinh viên tiếng Trung Quốc đến từ Đại học Ngoại ngữ Hà Nội, Đại học Ngoại ngữ Huế và Đại học Ngoại thương Hà Nội làm đối tượng điều tra. Thông qua các câu hỏi khảo sát, phỏng vấn và quan sát lớp học của giáo viên và sinh viên từ ba trường Đại học này, chúng tôi đã hiểu rõ về tình hình sử dụng CNTT vào trong giảng dạy tại ba trường. Dựa trên kết quả điều tra, chúng tôi đã tiến hành phân tích thống kê, đưa ra những tác dụng và hạn chế của việc sử dụng CNTT vào trong ginagr dạy kỹ năng nghe nói tiếng Trung Quốc. Sau đó chúng tôi nghiên cứu tìm ra nguyên nhân và giải quyết các vấn đề còn hạn chế.

Luận án này nghiên cứu đầy đủ và toàn diện việc những vấn đề liên quan đến việc giáo viên và sinh viên vận dụng CNTT để hỗ trợ rèn luyện nâng cao kỹ năng nghe và nói tiếng Trung Quốc. Chúng tôi không chỉ phân tích và thảo luận về hiện trạng ứng dụng CNTT trong dạy nghe và nói tiếng Trung Quốc, mà còn tiến hành nghiên cứu thực nghiệm để cố gắng khắc phục và giải quyết những vấn đề hạn chế còn tồn tại, từ đó phát huy hết tính ưu việt của CNTT khi vận dụng trong rèn luyên kỹ năng nghe nói, cung cấp cho giáo viên và sinh viên những phương pháp rèn luyện hữu ích.

Luận án của chúng tôi đã nghiên cứ ra rất nhiều kết quả có giá trị, bao gồm như sau:

Đầu tiên, tác giả đã chọn "ứng dụng CNTT vào trong dạy học nghe và nói tiếng Trung Quốc" làm đối tượng nghiên cứu. Lựa chọn tình hình thực tế của 3 trường đại học trong quá trình vận dụng CNTT vào trong dạy học xuất phát điểm nghiên cứu. Lựa chọn giáo viên và sinh viên của 3 trường Đại học làm đối tượng khảo sát. Việc lựa chọn trên mang tính đại diện và tính trung thực cao.

Thứ hai, nghiên cứu này bắt đầu bằng việc điều tra hiện trạng giảng dạy kỹ năng nghe và nói tiếng Trung Quốc dưới sự hỗ trợ của CNTT cho sinh viên, nhằm nắm rõ tình hình giáo viên và sinh viên vận dụng CNTT vào trong giảng dạy như thế nào, qua đó chúng tôi tìm hiểu và phân tích nguyên nhận, lý do của những hạn chế trước mắt. Chúng tôi tiến hành nghiên cứu thực nghiệm dựa trên kết quả khảo sát. Phương pháp nghiên cứu thực nghiệm này bao gồm tất cả các khía cạnh liên quan đến giảng dạy trong lớp và ngoại khóa, và tối ưu hóa CNTT. Phương pháp nghiên cứu thực nghiệm mang tính toàn diện cao.

Thứ ba, nghiên cứu này tập trung vào phát triển tối ưu hóa kỹ năng nghe và nói tiếng Trung Quốc trong môi trường mạng Internet. Cụ thể, tác giả lấy mối quan hệ giữa hứng thú học tập của sinh viên và chiến lược học tập trong môi trường mạng làm nội dung nghiên cứu chính, điều này chứng tỏ tầm quan trọng của việc trau dồi chiến lược học tập tự chủ của sinh viên trong môi trường mạng. Tác giả thảo luận chi tiết về sáu chiến lược học tập trong các ứng dụng thực tế và cung cấp tài liệu tham khảo cho sinh viên, để rèn luyện thói quen tự học tự rèn luyện, nhằm nâng cao kỹ năng nghe và nói tiếng Trung Quốc của họ trong môi trường mạng. Các kết quả nghiên cứu có giá trị ứng dụng nhất định.

Thứ tư, dựa trên các cơ sở lí luận, tác giả đã thiết kế một khung giáo án nhằm nâng cao kỹ năng nghe và nói tiếng Trung Quốc. Tại đây, tôi xây dựng một mô hình tối ưu hóa phương pháp giảng dạy của giáo viên và nâng cao khả năng tự học của sinh viên dưới sự hỗ trợ của CNTT.

Thứ năm, kết quả thực nghiệm cho thấy phương pháp thực nghiệm của chúng tôi có thể cải thiện tính tương tác giữa giáo viên và sinh sinh viên, đồng thời còn có thể cải thiện và nâng cao hiệu quả tự học của học sinh, sinh viên tăng cường tham gia các hoạt động ở trên lớp, giảm áp lực học tập một cách hiệu quả. Có thể nói rằng nghiên cứu thực nghiệm của chúng tôi có tác động tích cực đáng kể đến việc học tập của sinh viên.

Do trình khả năng và điều kiện nghiên cứu của tôi còn hạn chế, trong luận án còn có những thiếu sót và tồn tại nhất định. Chúng tôi cho chủ yếu là do thời gian nghiên cứu có hạn, thời gian tiến hành nghiên cứu và thực nghiêm không nhiều, dữ liệu thu được còn hạn hẹp. Tác giả sẽ cố gắng tiếp tục hoàn thiện trong những nghiên cứu trong tương lai.

Tác giả cũng hy vọng rằng những kết quả nghiên cứu này có thể cung cấp những gợi ý thiết thực cho giáo viên giảng dạy tiếng Trung Quốc dưới sự hỗ trợ của CNTT, cung cấp cho giáo viên và sinh viên những phương pháp hợp lý nhằm nâng cao chất lượng dạy và học tiếng Trung Quốc.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ

LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

(1) Nguyễn Thị Bảo Ngân (2017). 浅谈多媒体教学法在汉语教学中的应用意义, *Kỷ yếu Hội thảo Khoa học Quốc gia dành cho học viên cao học & nghiên cứu sinh lần thứ nhất (GRS 2017),* Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội (ISBN 978-604-62-9306-4): tr425-429.

(2) Nguyễn Thị Bảo Ngân, Nguyễn Thị Vĩnh Bình (2018). 建构主义理论在汉语听说技能多媒体教学中的应用, *Kỷ yếu Hội thảo Khoa học Quốc tế dành cho học viên cao học & nghiên cứu sinh năm 2018 (GRS 2018)*. Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, (ISBN 978-604-62-6097-4): tr495-501.

(3) Nguyễn Thị Bảo Ngân (2019). Vận dụng thuyết kiến tạo trong dạy kỹ năng nghe nói tiếng Trung Quốc dưới sự hỗ trợ của công nghệ thông tin, *Tạp chí Khoa học Ngoại ngữ Quân sự*, (ISSN 2525-2232) tập 20 (7/2019): tr22-28.